



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ - KHÓA 43  
(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)  
NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC  
(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)**

**DLU DALAT**  
UNIVERSITY

Địa chỉ: 01 Phù Đồng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng  
Điện thoại: (+84)633822246  
Fax: (+84)633823380  
Email: [info@dlu.edu.vn](mailto:info@dlu.edu.vn)  
Website: [www.dlu.edu.vn](http://www.dlu.edu.vn)

*Lâm Đồng – 2019*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**  
**(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)**  
**NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC**  
**(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)**

*Lâm Đồng - 2019*

## LỜI GIỚI THIỆU

Trường Đại học Đà Lạt là một trường công lập được thành lập theo quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không gian yên tĩnh trong khuôn viên 40 ha của trường là môi trường thuận lợi cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và xã hội - nhân văn; là trung tâm nghiên cứu khoa học - chuyên giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trường đang được Đảng và Nhà nước đầu tư xây dựng để trở thành Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học đầu tiên trong cả nước đào tạo theo hệ thống tín chỉ, năm 2015, tất cả chương trình đào tạo bậc thạc sĩ và đại học đã được xây dựng theo chuẩn đầu ra CDIO với thời gian đào tạo linh hoạt; tùy theo điều kiện của cá nhân, sinh viên có thể chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của mình. Thực hiện chủ trương quốc tế hóa, giảng dạy bằng tiếng Anh, các chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài, đổi mới phương pháp giảng dạy trong đó chú trọng đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ, Nhà trường ưu tiên xét tuyển các thí sinh có trình độ tiếng Anh tốt, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong tình hình mới. Tháng 3 năm 2017, Trường Đại học Đà Lạt đã chính thức trở thành thành viên thứ 124 của Hiệp hội CDIO quốc tế và là Trường Đại học thứ 4 của Việt Nam được gia nhập tổ chức này. Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt là một trong sáu tạp chí khoa học của Việt Nam được chỉ mục trong Hệ thống trích dẫn khoa học các quốc gia Đông Nam Á – ACI. Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học công lập của Việt Nam được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học 2.0 theo quyết định số: 34/QĐ-TTKĐ của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học Quốc gia Tp.HCM ngày 23 tháng 7 năm 2019. Tháng 4/2020, Trường Đại học Đà Lạt chính thức trở thành thành viên liên kết của AUN-QA. Trường Đại học Đà Lạt là thành viên của Nhà Xã hội trí tuệ nhân tạo (AIWS House). Là cơ sở để triển khai đào tạo về Big Data và trí tuệ nhân tạo.

Thành quả lao động của tập thể các nhà khoa học là Bộ chương trình đào tạo 33 chuyên ngành được ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐH ngày .../.../20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt. Toàn bộ chương trình đào tạo được Trường công khai để tạo điều kiện cho người học chủ động lên kế hoạch học tập và tự học.

Sự đổi mới toàn diện về hệ thống chương trình đào tạo sẽ là cơ sở để Trường đổi mới toàn diện hệ thống giáo trình, học liệu và phương pháp giảng dạy với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra những “sản phẩm trí tuệ” chất lượng cao, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước, xứng đáng là Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ  
áp dụng chuẩn đầu ra CDIO

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

*Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;*

*Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2012; Luật bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-ĐHDL ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Trường Đại học Đà Lạt;*

*Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 33 ngành đào tạo;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ áp dụng chuẩn đầu ra CDIO gồm **33** ngành đào tạo (*có danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Giao cho Phòng Quản lý Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Khoa xây dựng Kế hoạch giảng dạy hằng năm căn cứ vào Bộ chương trình này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa 43.

**Điều 4.** Các Ông (Bà) Trưởng Khoa, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (*để chỉ đạo*);
- Khoa (*để thực hiện*);
- VT, QLĐT.

#### HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH 33 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ  
ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO**

*(Kèm theo Quyết định số: .../QĐ-ĐHDL ngày .../.../2019)*

TT	Ký hiệu Trường	Ngành tuyển sinh/ Website	Mã ngành
1	TDL	Toán học	7460101
2	TDL	Sư phạm Toán học	7140209
3	TDL	Sư phạm Tin học	7140210
4	TDL	Giáo dục tiểu học	7140202
5	TDL	Công nghệ Thông tin	7480201
6	TDL	Vật lý học	7440102
7	TDL	Sư phạm Vật lý	7140211
8	TDL	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
9	TDL	Kỹ thuật hạt nhân	7520402
10	TDL	Hóa học	7440112
11	TDL	Sư phạm Hóa học	7140212
12	TDL	Sinh học	7420101
13	TDL	Sư phạm Sinh học	7140213
14	TDL	Khoa học Môi trường	7440301
15	TDL	Nông học	7620109
16	TDL	Công nghệ Sinh học	7420201
17	TDL	Công nghệ Sau thu hoạch	7540104
18	TDL	Quản trị Kinh doanh	7340101
19	TDL	Kế toán	7340301
20	TDL	Luật	7380101
21	TDL	Xã hội học	7310301
22	TDL	Văn hoá học	7229040
23	TDL	Văn học	7229030
24	TDL	Sư phạm Ngữ văn	7140217
25	TDL	Lịch sử	7229010
26	TDL	Sư phạm Lịch sử	7140218
27	TDL	Việt Nam học	7310630
28	TDL	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
29	TDL	Công tác xã hội	7760101
30	TDL	Đông phương học	7310608
31	TDL	Quốc tế học	7310601
32	TDL	Ngôn ngữ Anh	7220201
33	TDL	Sư phạm Tiếng Anh	7140231

## GIỚI THIỆU CHUNG

Chương trình giáo dục đại học ngành Giáo dục tiểu học thiết kế theo chuẩn đầu ra CDIO. Chương trình được xây dựng trên cơ sở khung chương trình chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, chương trình của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, trường Đại học Sư phạm Cần Thơ, trường Đại học Sư phạm Huế,... Ban biên soạn cũng có tham khảo những nét đặc sắc từ các chương trình của Singapore, Mỹ, Canada, và quan tâm đặc biệt đến chương trình giáo dục tiểu học mới trong chương trình giáo dục phổ thông mới được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố vào tháng 12/2018.

Chương trình bao gồm **131** tín chỉ, được chia làm hai khối:

1. Khối kiến thức đại cương dành cho các ngành đào tạo trình độ đại học gồm các học phần khoa học lí luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, khoa học tự nhiên và xã hội..

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các học phần kiến thức cơ sở, kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ. Trong đó, có các học phần cơ bản về giáo dục học, tâm lý học, phương pháp nghiên cứu trong giáo dục, tổ chức hoạt động giáo dục. Sinh viên tiếp nhận và rèn luyện kỹ năng qua các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, quản lý trường lớp, ứng dụng công nghệ, kỹ năng giao tiếp. Sinh viên sẽ trưởng thành vững vàng qua các đợt thực tập thực tế, các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực hiện khóa luận.

Trong khối kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, có những học phần mở, tự chọn, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cập nhật kiến thức, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng chuyên môn, có thể trở thành các chuyên gia giáo dục sau khi ra trường hoặc học tiếp lên các trình độ cao hơn.

Chương trình dành nhiều sự quan tâm cho các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm với các đợt thực tập trải nghiệm trường học, thực tập trợ giảng, thực tập dạy học là các học phần thực tập thực tế ở trường tiểu học. Từ việc được trải nghiệm và thực hành nghề thường xuyên nên sau khi ra trường sinh viên sẽ tiếp cận và thích ứng nhanh với thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học.

Chương trình đã được thảo luận và hoàn thiện qua Hội thảo khoa học “Xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học của Trường Đại học Đà Lạt”.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học đảm bảo tính khoa học, hiện đại, chú trọng thực hành, có tính linh hoạt, luôn cập nhật nhằm tạo điều kiện cho sinh viên phát triển năng lực nghề nghiệp, nâng cao khả năng sáng tạo và làm việc chất lượng sau khi tốt nghiệp.

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Trưởng khoa Sư phạm  
PGS.TS. Phù Chí Hòa

## MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	3
2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH .....	5
3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	5
4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC.....	5
5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	8
6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3.....	8
7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	17
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	18
9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	20
10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	26

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>GIÁO DỤC TIỂU HỌC</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học (Cử nhân sư phạm)
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy
<b>Mã ngành đào tạo:</b>	7140202
<b>Thời gian đào tạo:</b>	4 năm
<b>Khối lượng kiến thức toàn khóa:</b>	<b>131</b> tín chỉ

## **1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học nhằm:

- Đào tạo nhân lực chất lượng cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; có khả năng nghiên cứu khoa học tạo ra tri thức mới, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển con người, kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.
- Đào tạo người học thành giáo viên tiểu học có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; có năng lực hoạt động nghề nghiệp; có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo để giải quyết những vấn đề trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp; có trách nhiệm nghề nghiệp, sẵn sàng thích nghi với môi trường làm việc đa dạng; có ý thức và khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học và nghề nghiệp.

### **Mục tiêu cụ thể**

Sinh viên tốt nghiệp từ ngành Giáo dục tiểu học:



- **M01:** Có phẩm chất chính trị, đạo đức; có ý thức phục vụ nhân dân và trách nhiệm công dân; sống và làm việc theo pháp luật.
- **M02:** Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, tâm lý học, pháp luật, văn hóa, các dân tộc ở Việt Nam, thống kê xã hội làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn giáo dục tiểu học.
- **M03:** Có kỹ năng giao tiếp ở các dạng khác nhau như đối thoại, lắng nghe, viết, trình bày; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; có kỹ năng sử dụng máy tính và kỹ năng làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu và tự đào tạo bản thân.
- **M04:** Có kiến thức chuyên môn phù hợp với các môn học trong chương trình giáo dục tiểu học quốc gia; có khả năng tìm kiếm và cập nhật các kiến thức mới liên quan; có khả năng trao đổi và chia sẻ các kiến thức chuyên môn trong quá trình dạy học và nghiên cứu.
- **M05:** Có kiến thức về sự phát triển trẻ em, tâm lý học giáo dục, giáo dục học tiểu học; có khả năng áp dụng các kiến thức trên vào thực tiễn dạy học; có khả năng cập nhật và chia sẻ các kiến thức về tâm lý học và giáo dục học trong môi trường giáo dục tiểu học.
- **M06:** Có kiến thức và khả năng áp dụng nhiều mô hình, phương pháp và kỹ năng dạy học khác nhau; có khả năng thúc đẩy học sinh học tập thông qua việc vận dụng đa dạng phương pháp dạy học cũng như ứng dụng công nghệ vào dạy học; có khả năng nghiên cứu và trao đổi các kiến thức về phương pháp, kỹ năng dạy học tiểu học, sử dụng công nghệ trong dạy học tiểu học.
- **M07:** Có khả năng áp dụng các phương pháp và qui trình đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học; có khả năng sử dụng các kết quả đánh giá này cũng như trao đổi các kết quả này với học sinh, phụ huynh và các nhà quản lý.
- **M08:** Có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu giáo dục ở quy mô phù hợp, đặc biệt là các đề tài mang tính ứng dụng phục vụ cho việc cải tiến dạy học, đánh giá, ứng dụng công nghệ, quản lý nhằm hỗ trợ học sinh học tập và phát triển.

- **M09:** Có khả năng am hiểu các nhu cầu đa dạng của học sinh; biết xác định và hỗ trợ các nhu cầu đa dạng của học sinh; hợp tác với nhà trường trong việc xác định và hỗ trợ các nhu cầu đa dạng của học sinh.
- **M10:** Nhận thức được tầm quan trọng của việc thiết lập quan hệ với học sinh và tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn và lành mạnh cho học sinh; có khả năng xây dựng lòng tin và quan hệ nghề nghiệp với học sinh; có khả năng thiết lập môi trường học tập mà ở đó học sinh có thể phát triển các tiềm năng học tập khác nhau.
- **M11:** Nhận thức tầm quan trọng của tâm nhin và sứ mạng của nhà trường tiểu học; hiểu được các mục tiêu và chính sách của nhà trường tiểu học; nhận thức được các kỳ vọng và yêu cầu của xã hội đối với nhà trường tiểu học; hiểu được các chính sách xã hội và những thay đổi của xã hội tác động đến sự phát triển của nhà trường tiểu học.

### **Cơ hội việc làm**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục tiểu học có thể làm giáo viên tiểu học ở các trường tiểu học công lập và tư thục trong hệ thống giáo dục quốc dân; có thể tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu hoặc làm việc cho các dự án liên quan đến giáo dục tiểu học; có thể tham gia giảng dạy và nghiên cứu trong các trường cao đẳng, đại học có đào tạo giáo dục tiểu học và các trung tâm bồi dưỡng văn hóa dành cho học sinh tiểu học.

## **2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Đại học Đà Lạt.

## **3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **3.1. Quy trình đào tạo**

Đào tạo tập trung dài hạn theo học chế tín chỉ. Hoạt động đào tạo được tổ chức theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2014.

### **3.2. Thang điểm: 4**

### **3.3. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên tích lũy đạt số tín chỉ tối thiểu, có các chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng được xét và cấp bằng cử nhân sư phạm ngành Giáo dục tiểu học.

## **4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC**

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học bao gồm 12 chuẩn đầu ra trong đó 5 chuẩn đầu ra đầu tiên ứng với giáo dục đại cương và 7 chuẩn đầu ra còn lại ứng với giáo dục chuyên nghiệp.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra sau đây:

### **Chuẩn đầu ra giáo dục đại cương**

#### **• C01: Phẩm chất chính trị, đạo đức**

Trong lối sống và hoạt động nghề nghiệp, thể hiện được phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ đất nước và nhân dân, ý thức và trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật và đạo đức công dân. Hiểu rõ và chấp hành các quy điều đạo đức nghề nghiệp dành cho giáo viên. Có ý thức phát triển sức khỏe thể chất và nâng cao năng lực vận động của bản thân. Có ý thức học tập suốt đời và trau dồi, cập nhật kiến thức chuyên môn và nghề nghiệp giáo dục tiểu học nhằm phát triển toàn diện bản thân và khả năng thực hiện nghề nghiệp.

#### **• C02: Hiểu biết cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn**

Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng và an ninh, tâm lý học, pháp luật, văn hóa, các dân tộc Việt Nam và thống kê xã hội. Sự hiểu biết này làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về giáo dục tiểu học. Đồng thời qua đó mở rộng hiểu biết về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn có liên quan đến khoa học giáo dục tiểu học.

#### **• C03: Giao tiếp và làm việc hiệu quả trong các nhóm chuyên môn và đa ngành**

Có kỹ năng giao tiếp ở các dạng khác nhau như lắng nghe, đặt câu hỏi, đối thoại, soạn thảo các văn bản hành chính và học thuật. Có kỹ năng trình bày một chủ đề trước nhiều người nhằm tăng hiệu quả làm việc của cá nhân và nhóm. Có kỹ năng làm việc hợp tác trong các nhóm có cùng chuyên môn hoặc đa ngành..

**• C04: Kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam**

Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở các hình thức giao tiếp khác nhau bao gồm nghe, nói, đọc hiểu và viết ứng với trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, tương đương TOEFL iBT 45+ điểm, IELTS 4,5+ điểm, TOEIC 450+ điểm hoặc PET. Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành giáo dục tiểu học để có thể tìm kiếm và đọc hiểu các tài liệu khoa học giáo dục tiểu học nhằm phục vụ cho việc mở rộng và nâng cao khả năng dạy học và nghiên cứu giáo dục tiểu học.

**• C05: Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng**

Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng như Word, Excel, Powerpoint, Gmail, ... vào các công việc giao tiếp đa phương tiện, tìm kiếm thông tin trên mạng Internet, soạn thảo các văn bản hành chính và học thuật, thiết kế bài trình bày ở dạng trình chiếu, thực hiện các tính toán thông dụng và nâng cao nhằm nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu và thực hành nghề giáo viên tiểu học.

**Chuẩn đầu ra giáo dục chuyên nghiệp**

**• C06: Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục**

Có khả năng tìm hiểu các cá nhân học sinh, tập thể lớp, môi trường nhà trường, gia đình và xã hội của học sinh. Có khả năng nắm bắt và am hiểu các nhu cầu đa dạng của học sinh. Có khả năng đánh giá được những tác động của môi trường đến việc học của học sinh. Có khả năng tạo ra một môi trường học tập thân thiện, an toàn, lành mạnh và thuận lợi để mọi học sinh có thể phát huy tối đa các tiềm năng học tập của mình.

**• C07: Năng lực dạy học**

Có kiến thức vững về các môn học sẽ dạy ở trường tiểu học. Có khả năng xác định, lựa chọn và điều chỉnh nội dung dạy học một hợp cách hợp lý. Có kiến thức và khả năng áp dụng nhiều hình thức tổ chức và phương pháp dạy học khác nhau vào thực tiễn dạy học. Có khả năng thúc đẩy học sinh học tập thông qua việc vận dụng đa dạng các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học cũng như ứng dụng công nghệ vào dạy học. Có khả năng xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến. Có khả năng xây dựng, sử dụng và quản lý hồ sơ dạy học. Có khả năng nghiên cứu và trao đổi các hiểu biết về hình thức tổ chức và phương pháp dạy học tiểu học cũng như sử dụng công nghệ trong dạy học tiểu học.

**• C08: Năng lực giáo dục**

Có kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua dạy học bộ môn, triển khai các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp. Có khả năng tổ chức và phát triển tập thể lớp. Có khả năng quản lý lớp học, giải quyết các tình huống giáo dục nảy sinh. Có khả năng quản lý và sử dụng các hồ sơ giáo dục. Có khả năng liên hệ và phối hợp với các thành phần trong nhà trường, với gia đình và các bên liên quan ngoài nhà trường trong quá trình giáo dục học sinh và hỗ trợ học sinh phát huy các tiềm năng học tập.

- **C09: Năng lực giao tiếp sư phạm**

Có khả năng giao tiếp trong môi trường sư phạm, khả năng thiết lập quan hệ nghề nghiệp và tương tác với mọi học sinh và phụ huynh. Khả năng giao tiếp này bao gồm cả những dạng giao tiếp ngôn ngữ lẫn phi ngôn ngữ, hành vi ứng xử và lắng nghe. Đặc biệt, không có thành kiến và không phân biệt đối xử với học sinh trong quá trình giao tiếp và tương tác với học sinh. Giao tiếp với học sinh bằng sự tôn trọng và mang đến mọi cơ hội học tập như nhau cho mọi học sinh. Giúp học sinh cảm thấy tự tin khi giao tiếp với bạn bè, thầy cô và nhà quản lý.

- **C10: Năng lực đánh giá học sinh**

Có khả năng áp dụng nhiều phương pháp và qui trình đánh giá kết quả học tập của học sinh. Có khả năng thiết kế các công cụ đánh giá khác nhau và tổ chức các hình thức đánh giá khác nhau đối với quá trình và kết quả học tập của học sinh. Có khả năng sử dụng cũng như trao đổi các kết quả đánh giá này với học sinh, phụ huynh và các nhà quản lý nhằm giúp cải tiến việc học của học sinh, việc dạy và đánh giá của giáo viên và công tác quản lý của nhà trường.

- **C11: Năng lực nghiên cứu khoa học**

Có khả năng tham gia thực hiện hoặc thực hiện độc lập một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục nói chung, lĩnh vực giáo dục tiểu học nói riêng, với qui mô vừa phải. Có khả năng áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục vào việc dạy học, đánh giá học sinh, phát triển chương trình, quản lý lớp học và xây dựng các hoạt động giáo dục sao cho các hoạt động này ngày càng tốt hơn đáp ứng nhu cầu của học sinh, gia đình và xã hội.

- **C12: Đạo đức nghề nghiệp**

Có lối sống lành mạnh, văn minh, giản dị, khiêm tốn và khoan dung. Tận tụy, có trách nhiệm với công việc được giao. Trung thực trong học tập, trong báo cáo kết quả

các công việc được giao. Thẳng thắn, khách quan, trung thực trong đánh giá người khác, trong đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực trong cuộc sống và học tập. Thái độ ứng xử sư phạm đối với học sinh: thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học tập và rèn luyện tốt. Đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục.

## 5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu đào tạo										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>Chuẩn đầu ra GD đại cương</b>												
1	Phẩm chất chính trị, đạo đức	X										
2	Hiểu biết cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn.		X									
3	Giao tiếp và làm việc hiệu quả trong các nhóm chuyên môn và đa ngành.			X								
4	Kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.			X								
5	Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng.			X								
<b>Chuẩn đầu ra GD chuyên nghiệp</b>												
6	Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục									X	X	X
7	Năng lực dạy học				X		X					
8	Năng lực giáo dục						X					
9	Năng lực giao tiếp sư phạm			X						X	X	

10	Năng lực đánh giá học sinh								X			
11	Năng lực nghiên cứu khoa học									X		
12	Đạo đức nghề nghiệp	X										

## 6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học được phân thành 4 nhóm bao gồm:

- Kiến thức và lập luận ngành.
- Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp.
- Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.
- Năng lực nhận thức và thực hành nghề nghiệp.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra ứng với 4 nhóm trên như sau:

### 1. Kiến thức và lập luận ngành

#### 1.1 Kiến thức giáo dục đại cương

1.1.1 Hiểu biết về những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức của cá nhân, đồng thời đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

1.1.2 Hiểu và áp dụng các kiến thức về an ninh, quốc phòng và thể chất để biết cách rèn luyện sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ đất nước.

1.1.3 Nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, có vốn từ vựng xã hội và chuyên môn giáo dục tiểu học cần thiết đáp ứng khả năng đọc hiểu và giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành giáo dục tiểu học. Yêu cầu đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

1.1.4 Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint, Gmail, ... đáp ứng các yêu cầu về giao tiếp điện tử

và đa phương tiện, các yêu cầu về soạn thảo văn bản hành chính và học thuật, các yêu cầu về trình bày bằng phương tiện trình chiếu và thực hiện các tính toán cơ bản.

1.1.5 Nắm vững các kiến thức thống kê xã hội và biết cách áp dụng chúng vào việc tổ chức và trình bày dữ liệu trong quản lý giáo dục, phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

1.1.6 Hiểu biết căn bản về lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, tâm lý học, pháp luật, văn hóa, các dân tộc ở Việt Nam nhằm hỗ trợ cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn giáo dục tiểu học ở giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp.

## **1.2 Kiến thức cơ sở ngành**

1.2.1 Giải thích quá trình phát triển của trẻ em ở các bình diện khác nhau. Các bình diện này bao gồm: sự phát triển sinh học và thể chất từ giai đoạn hình thành thai nhi đến trẻ em; sự phát triển về nhận thức và ngôn ngữ; sự phát triển về cảm xúc, cái tôi, bản sắc cá nhân và giới tính. Phân tích bối cảnh xã hội của sự phát triển của trẻ, trong đó nhấn mạnh đến bối cảnh gia đình, các bạn đồng trang lứa, nhà trường và kết quả học tập, văn hóa và sự đa dạng.

1.2.2 Nắm vững các lý thuyết tâm lý học làm nền tảng cho việc dạy và học. Áp dụng các lý thuyết này vào dạy học tiểu học. Các lý thuyết quan trọng cần nắm bao gồm: các lý thuyết về sự phát triển nhận thức của trẻ em (trong đó chú trọng lý thuyết của Piaget, Vygotsky và Bronfenbrenner); các lý thuyết liên quan đến sự phát triển xã hội, đạo đức và cảm xúc của trẻ em (trong đó chú trọng đến các lý thuyết của Erikson, Piaget và Kohlberg); sự đa dạng của học sinh và tác động của sự đa dạng đến kết quả học tập của học sinh; các lý thuyết liên quan đến sự học (trong đó chú trọng lý thuyết học tập mang tính hành vi, lý thuyết học tập mang tính xã hội và lý thuyết học tập mang tính nhận thức); tiếp cận kiến tạo và quan điểm học sinh trung tâm trong dạy học; động cơ học tập và các yếu tố tác động đến động cơ học tập; xây dựng môi trường học tập hiệu quả.

1.2.3 Hiểu được những lý luận chung về nhà nước và quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam. Trình bày các nội dung chủ yếu của cuộc vận động cải cách hành chính hiện nay. Giải thích khái niệm, nội dung, quy trình quản lý, quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục – Đào tạo.

1.2.4 Nắm được những vấn đề chính của giáo dục học bao gồm bản chất khoa học của giáo dục học, mối liên hệ giữa giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân. Giải thích những vấn đề cơ bản của lý luận



dạy học bao gồm: quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập. Trình bày những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục bao gồm: quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục. Phân tích được các mặt liên quan đến người giáo viên tiểu học bao gồm: vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đặc điểm lao động nghề giáo, các yêu cầu năng lực đối với giáo viên tiểu học. Vận dụng những hiểu biết về lý luận dạy học và lý luận giáo dục vào thực tiễn dạy học tiểu học.

1.2.5 Giải thích khái niệm khoa học, phân loại khoa học, nghiên cứu khoa học, phân loại nghiên cứu khoa học. Trình bày các đặc điểm của nghiên cứu khoa học. Giải thích khái niệm phương pháp nghiên cứu giáo dục. Phân tích các đặc điểm của phương pháp nghiên cứu giáo dục. Mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. Trình bày và áp dụng một số phương pháp nghiên cứu giáo dục thường dùng bao gồm: phương pháp điều tra xã hội, phương pháp thực nghiệm, phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp thảo luận nhóm tập trung và phương pháp quan sát. Có kỹ năng viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.

### **1.3 Kiến thức ngành**

#### ***Phần kiến thức bắt buộc***

1.3.1 Nắm vững được những khái niệm ngữ âm cơ bản, hiểu đặc điểm của hệ thống ngữ âm tiếng Việt. Hiểu và vận dụng từ loại tiếng Việt, cú pháp tiếng Việt, ngữ pháp văn bản, phong cách học tiếng Việt.

1.3.2 Biết cơ sở của ngôn ngữ toán học ở tiểu học; những kiến thức cơ bản về yếu tố thống kê, yếu tố hình học ở tiểu học; các phép toán trên tập hợp số tự nhiên, phân số và số thập phân ở tiểu học; cơ sở của các phương pháp giải toán ở tiểu học.

1.3.3 Hiểu và vận dụng các kiến thức căn bản về vật lý, hóa học, sinh học, địa lý, lịch sử để giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội trong đời sống. Kết hợp các kiến thức tự nhiên, xã hội với các phương pháp dạy học, phương tiện để thiết kế dạy học các môn tự nhiên, xã hội ở bậc tiểu học.

1.3.4 Vận dụng được các phương pháp dạy học vào thiết kế bài dạy cụ thể, thực hành dạy học nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực cho học sinh ở bậc tiểu học.

1.3.5 Nắm vững kỹ năng cơ bản về dạy học tiếng Việt và dạy các phân môn Học vần, Tập viết, Chính tả; kiến thức cơ bản về việc dạy học các kỹ năng đọc, viết, nghe – nói cho học sinh tiểu học; kỹ năng tìm hiểu chương trình sách giáo khoa.

1.3.6 Nắm vững nội dung, cấu trúc chương trình Toán ở bậc tiểu học. Nắm vững hệ thống các phương pháp dạy Toán ở bậc tiểu học, thiết kế dạy học, sử dụng các phương tiện trong dạy học môn Toán.

1.3.7 Vận dụng cơ sở lí luận của việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học; xây dựng được hệ thống câu hỏi hoặc đề kiểm tra đánh giá; biết xây dựng tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch chuẩn bị, tổ chức và quản lí đánh giá.

1.3.8 Quan sát, tìm hiểu thực tế giáo dục ở trường tiểu học bao gồm hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh, hoạt động giáo dục hòa nhập và hoạt động xã hội khác của nhà trường nhằm hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp.

1.3.9 Hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có năng lực cơ bản về soạn bài, lên lớp, tổ chức bài giảng, đánh giá kết quả học tập; có khả năng giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập; tiến hành được đề tài nghiên cứu khoa học tâm lý, giáo dục.

1.3.10 Chuẩn bị cho giáo sinh năng lực dạy tốt môn Đạo đức ở trường tiểu học, từ đó, góp phần đắc lực, thiết thực vào việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học có chất lượng và hiệu quả.

1.3.11 Giải thích khái niệm hoạt động trải nghiệm sáng tạo và vai trò của chúng trong giáo dục tiểu học. Trình bày mục tiêu, đặc điểm và nội dung hoạt động trải nghiệm sáng tạo dành cho học sinh tiểu học. Trình bày các hình thức và phương pháp giáo dục thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Mô tả qui trình và kỹ năng đánh giá năng lực học sinh khi tham gia hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học.

1.3.12 Có khả năng thiết kế kịch bản cho bài giảng E-Learning và sử dụng phần mềm chuyên dụng để thiết kế bài giảng E-Learning trong dạy học các môn học trong chương trình bậc tiểu học.

### ***Phần kiến thức tự chọn***

1.3.13 Có kiến thức cơ bản về âm nhạc, về cảm thụ và thưởng thức âm nhạc. Hiểu về phương pháp giáo dục âm nhạc và biết cách tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc ở tiểu học.

1.3.14 Tiếp cận những vấn đề cơ bản của Mĩ thuật cùng với lí luận dạy học Mĩ thuật bậc Tiểu học. Nắm vững được mục tiêu, nội dung, hình thức của tổ chức dạy học Mĩ thuật một cách có hệ thống và hiệu quả.

1.3.15 Trình bày định nghĩa giáo dục thể chất và phân tích tầm quan trọng của giáo dục thể chất trong nhà trường tiểu học. Giải thích sáu lĩnh vực hoạt động thể chất phù hợp với học sinh tiểu học. Nắm được phương pháp lập kế hoạch giáo dục thể chất giai đoạn 1 (lớp 1 và 2) và giai đoạn 2 (lớp 3, 4 và 5). Phân tích các đặc điểm dạy học và quản lý các hoạt động phát triển thể chất giai đoạn 1 và 2. Mô tả qui trình và phương pháp đánh giá kết quả hoạt động thể chất.

## **1.4 Kiến thức bổ trợ**

1.4.1 Vận dụng kiến thức về thiết kế chương trình để phân tích chương trình hiện hành đồng thời có thể thiết kế và phát triển được chương trình theo từng khối lớp khác nhau. Vận dụng các lý thuyết về học tập và các nguyên tắc dạy học vào thiết kế hoạt động dạy học.

1.4.2 Có năng lực dạy và giáo dục đối tượng học sinh có nhu cầu đặc biệt ở trường tiểu học, cũng như biết tổ chức, quản lý lớp học hòa nhập ở tiểu học có chất lượng và hiệu quả.

1.4.3 Hiểu biết cơ bản về môi trường, giáo dục môi trường và các định hướng giáo dục môi trường; biết vận dụng vào thực tế giáo dục môi trường ở trường tiểu học như là một nội dung liên môn.

1.4.4 Nâng cao năng lực tiếp nhận, cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học của giáo sinh, hỗ trợ dạy tốt môn Tiếng Việt trong trường tiểu học. Khái quát hóa các giai đoạn phát triển của văn học thiếu nhi, các thể loại truyện cổ, thơ ca dân gian dành cho trẻ em và phù hợp với trẻ em.

1.4.5 Hiểu biết những vấn đề cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục và đặc biệt là công tác quản lý nhà trường tiểu học với mục tiêu, đặc thù, chức năng, nhiệm vụ và vai trò của lãnh đạo và giáo viên trong trường tiểu học.

## **2. Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp**

### **2.1 Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề**

2.1.1 Nhận dạng và xác định vấn đề.

2.1.2 Có khả năng mô hình hóa vấn đề.

2.1.3 Có khả năng ước lượng và phân tích định tính vấn đề.

2.1.4 Nhận dạng và phân tích các yếu tố bất định.

2.1.5 Đưa ra kết luận về vấn đề (giải pháp, khuyến nghị).

## **2.2 Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá kiến thức**

2.2.1 Hình thành các giả thuyết.

2.2.2 Chọn lọc và hệ thống hóa thông tin qua tìm hiểu tài liệu giấy, điện tử.

2.2.3 Tổ chức nghiên cứu dùng các phương pháp định tính và định lượng.

2.2.4 Kiểm định các giả thuyết đã đưa ra.

2.2.5 Hình thành tri thức mới.

## **2.3 Tư duy một cách có hệ thống**

2.3.1 Nhìn tổng thể vấn đề.

2.3.2 Xác định những vấn đề nảy sinh và sự tương tác trong hệ thống.

2.3.3 Sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm cần giải quyết.

2.3.4 Phân tích ưu, nhược điểm và chọn giải pháp cân bằng.

## **2.4 Thái độ, cách tư duy và ý thức học tập**

2.4.1 Thể hiện sáng kiến và thái độ sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro.

2.4.2 Thể hiện tính kiên trì, sự sẵn sàng và quyết tâm, tính tháo vát và linh hoạt.

2.4.3 Vận dụng tư duy sáng tạo.

2.4.4 Vận dụng tư duy phản biện.

2.4.5 Có khả năng tự nhận thức về bản thân và kiến thức của chính mình.

2.4.6 Thể hiện thái độ ham học hỏi, ý thức học tập và rèn luyện suốt đời.

2.4.7 Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực.

## **2.5 Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác**

2.5.1 Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, làm việc có trách nhiệm.

2.5.2 Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp.

2.5.3 Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mình.

2.5.4 Luôn cập nhật kiến thức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

2.5.5 Thể hiện sự công bằng và tôn trọng sự đa dạng.

2.5.6 Thể hiện sự tin tưởng và trung thành.

### **3. Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp**

#### **3.1 Làm việc nhóm**

3.1.1 Hình thành nhóm.

3.1.2 Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm.

3.1.3 Có khả năng duy trì và phát triển nhóm.

3.1.4 Thể hiện lãnh đạo nhóm.

3.1.5 Hợp tác trong nhóm cùng chuyên môn và nhóm đa ngành.

#### **3.2 Giao tiếp**

3.2.1 Hiểu và chọn lựa chiến lược giao tiếp.

3.2.2 Xây dựng cấu trúc giao tiếp.

3.2.3 Áp dụng hiệu quả giao tiếp bằng văn bản.

3.2.4 Có khả năng giao tiếp đa phương tiện.

3.2.5 Áp dụng hiệu quả giao tiếp đồ họa.

3.2.6 Có khả năng thuyết trình hiệu quả.

3.2.7 Biết yêu cầu thông tin, lắng nghe tích cực và đối thoại hiệu quả.

3.2.8 Có khả năng đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột.

3.2.9 Có khả năng vận động, thuyết phục.

3.2.10 Có khả năng thiết lập các liên kết và mạng liên kết đa dạng.

#### **3.3 Giao tiếp bằng ngoại ngữ**

3.3.1 Áp dụng hiệu quả giao tiếp bằng tiếng Anh với các kỹ năng nghe, nói.

3.3.2 Áp dụng hiệu quả giao tiếp bằng tiếng Anh với các kỹ năng đọc hiểu, viết.

### **4. Năng lực nhận thức và thực hành nghề nghiệp**

#### **4.1 Bối cảnh xã hội**

4.1.1 Hiểu biết vai trò và trách nhiệm của nhà giáo đối với xã hội.

4.1.2 Hiểu biết tác động của giáo dục đối với xã hội.

- 4.1.3 Trình bày được các quy định của xã hội đối với nghề giáo.
- 4.1.4 Hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa trong giáo dục.
- 4.1.5 Nhận diện được nhu cầu phát triển giáo dục quốc gia và thế giới.

#### **4.2 Bối cảnh nghề nghiệp**

- 4.2.1 Phân tích sự đa dạng văn hóa nghề giáo viên tiểu học.
- 4.2.2 Giải thích chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của giáo dục tiểu học.
- 4.2.3 Nắm vững các chính sách, quy định liên quan đến giáo dục tiểu học.
- 4.2.4 Giải thích được mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

#### **4.3 Hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động giáo dục**

- 4.3.1 Hình thành ý tưởng và chuyển ý tưởng thành mục tiêu khả thi.
- 4.3.2 Xác định nguồn lực, các bên liên quan và hoàn chỉnh mục tiêu.
- 4.3.3 Hình thành giải pháp, đánh giá giải pháp và xây dựng kế hoạch.
- 4.3.4 Thiết kế tiêu chuẩn đánh giá.
- 4.3.5 Tổ chức thực hiện có sự giám sát.
- 4.3.6 Đánh giá kết quả thực hiện.
- 4.3.7 Điều chỉnh, nâng cấp hoạt động.
- 4.3.8 Sáng tạo các hoạt động mới.

### **7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học được thiết kế với khối lượng toàn khóa là **131** tín chỉ (không tính số tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Cấu trúc các khối kiến thức cấu tạo nên chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học và khối lượng tín chỉ được phân bố cho các khối kiến thức như sau:

Các khối kiến thức	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
<b>A - Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>26</b>	<b>20</b>	<b>6</b>

A1	Lý luận chính trị	11	11	0
A2	Giáo dục thể chất	(3)	(3)	(0)
A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(8,5)	(8,5)	(0)
A4	Khoa học tự nhiên	3	3	0
A5	Khoa học xã hội và nhân văn	12	6	6
<b>B - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>105</b>	<b>90</b>	<b>15</b>
B1	Kiến thức cơ sở	17	17	0
B2	Kiến thức ngành	78	73	5
B3	Kiến thức bổ trợ	10	0	10
<b>Tổng cộng</b>		<b>131</b>	<b>110</b>	<b>21</b>

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 8.1. Kiến thức giáo dục đại cương (26 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>Phần kiến thức bắt buộc</b>			<b>26</b>		
	<b>A1</b>	<b>Lý luận chính trị Political Science</b>	<b>11</b>		
1	LC1101	Triết học Mác-Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	3	0
2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	2	2	0
3	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0

		(Scientific Socialism)			
4	LC2102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	2	2	0
5	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	2	0
	<b>A2</b>	<b>Giáo dục thể chất</b> <b>Physical Education</b>	<b>(3)</b>		
6	TC1001	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	0	1
7	TC1002	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 1)	1	0	1
8	TC2003	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 1)	1	0	1
	<b>A3</b>	<b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b> <b>National Defense and Security Education</b>	<b>(8,5)</b>		
9	QP2101	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (National Defence Education 1)	(3)	(3)	(0)
10	QP2102	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (National Defence Education 2)	(2)	(2)	(0)
11	QP2103	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 (National Defence Education 3)	(1,5)	(1)	(0,5)
12	QP2104	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 (National Defence Education 4)	(2)	(0)	(2)
	<b>A4</b>	<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>3</b>		



		<b>Natural Sciences</b>			
13	TN2010	Thống kê xã hội Social Statistics	3	3	0
	<b>A5</b>	<b>Khoa học xã hội và nhân văn</b> <b>Humanities and Social Sciences</b>	<b>12</b>		
14	LH1001	Pháp luật đại cương (Introduction to Law)	3	3	0
15	SP1001	Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology)	3	3	0
<b>Phần kiến thức tự chọn</b>			<b>6</b>		
<i>Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong danh sách sau</i>					
16	VH1103	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese Culture	3	3	0
17	LS4202	Các dân tộc ở Việt Nam Ethnic Groups in Vietnam	3	3	0
18	NV1006	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính Official Documents Writing Skills	3	2	1

### 8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (105 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
	<b>B1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b> <b>Core Courses</b>	<b>17</b>		
19	SP1002	Giáo dục học đại cương	3	3	0

		Introduction to Education Studies			
20	GT1101	Tâm lý học trẻ em 1 Child Psychology 1	3	3	0
21	GT1102	Tâm lý học trẻ em 2 Child Psychology 2	3	3	0
22	GT1103	Tâm lý học giáo dục Educational Psychology	3	3	0
23	SP3104	Quản lý HCNN và quản lý ngành GDĐT Administrative State and Education Management	2	2	0
24	GT3105	Phương pháp nghiên cứu trong giáo dục Research Methods in Education	3	3	0
	<b>B2</b>	<b>Kiến thức ngành</b> <b>Professional Courses</b>	<b>78</b>		
		<b>Bắt buộc</b>	<b>59</b>		
25	GT2201	Cơ sở Xã hội dành cho giáo viên tiểu học Social Studies for Elementary Teachers	3	3	0
26	GT2202	Cơ sở Tự nhiên dành cho giáo viên tiểu học Science for Elementary Teachers	3	3	0
27	GT2203	Cơ sở Ngữ văn dành cho giáo viên tiểu học 1 Foundations of Vietnamese Language and Literature for Elementary Teachers 1	3	3	0
28	GT2204	Cơ sở Ngữ văn dành cho giáo viên tiểu học 2 Foundations of Vietnamese Language and Literature for Elementary Teachers 2	3	3	0

29	GT2205	Cơ sở Toán học dành cho giáo viên tiểu học 1 Foundations of Mathematics for Elementary Teachers 1	3	3	0
30	GT2206	Cơ sở Toán học dành cho giáo viên tiểu học 2 Foundations of Mathematics for Elementary Teachers 2	3	3	0
31	GT2207	Phương pháp dạy học Xã hội ở tiểu học Elementary Teaching Methods - Social Studies	3	2	1
32	GT2208	Phương pháp dạy học Tự nhiên ở tiểu học Elementary Teaching Methods - Science	3	2	1
33	GT2209	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 Elementary Teaching Methods - Vietnamese Language 1	3	2	1
34	GT3210	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 Elementary Teaching Methods - Vietnamese Language 2	3	2	1
35	GT2211	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 Elementary Teaching Methods - Mathematics 1	3	2	1
36	GT3212	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 Elementary Teaching Methods - Mathematics 2	3	2	1
37	GT3213	Giáo dục đạo đức ở trường tiểu học Moral Education in Elementary Schools	3	3	0
38	GT4214	Giáo dục tiểu học với các hoạt động trải nghiệm Elementary Education with Experiential Learning Activities	3	2	1

39	GT4215	Giáo dục tin học và công nghệ ở trường tiểu học Computer Science and Technology Education in Elementary Schools	3	2	1
40	GT2216	Kỹ năng giao tiếp sư phạm Communication Skills for Teacher	3	2	1
41	GT3217	Đánh giá trong giáo dục tiểu học Assessment in Elementary Education	3	2	1
42	GT3218	Quản lý lớp học tiểu học Elementary Classroom Management	3	3	0
43	GT4219	Sử dụng công nghệ trong dạy học tiểu học Use of Technology in Elementary Teaching	2	1	1
44	GT3220	Ngoại ngữ chuyên ngành giáo dục tiểu học English in Elementary Education	3	3	0
	<b>Tự chọn – Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong danh sách sau</b>		<b>5</b>		
45	GT4221	Thực hành công tác Đội ở trường tiểu học Team Work Practice in Elementary Schools	2	1	1
46	GT4222	Giáo dục âm nhạc ở trường tiểu học Musical Education in Elementary Schools	3	2	1
47	GT4223	Giáo dục mỹ thuật ở trường tiểu học Arts Education in Elementary Schools	3	2	1
48	GT4224	Giáo dục thể chất ở trường tiểu học Physical Education in Elementary Schools	3	2	1
		<b>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học</b>	<b>14</b>		
49	GT2501	Thực tập trải nghiệm trường học	2	0	2

		School Experience			
50	GT3502	Thực tập trợ giảng Teaching Assistantship	3	0	3
51	GT3503	Thực tập dạy học 1 Teaching Practicum 1	3	0	3
52	GT4504	Thực tập dạy học 2 Teaching Practicum 2	3	0	3
53	GT4505	Thực tập dạy học 3 Teaching Practicum 3	3	0	3
	<b>B3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b> <b>Supplemental Courses</b>	<b>10</b>		
		<i>Chọn ít nhất 10 tín chỉ trong danh sách sau</i>			
54	GT4301	Phát triển chương trình đào tạo bậc tiểu học Curriculum Development at the Elementary Level	2	2	0
55	GT4302	Giáo dục hòa nhập cho học sinh có nhu cầu đặc biệt Inclusive Education for Students with Special Needs	2	2	0
56	GT4303	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học Environmental Education for Elementary Students	2	2	0
57	GT4304	Văn học thiếu nhi Children's Literature	3	3	0
58	GT4305	Quản lý trường học School Management	3	3	0

59	GT4306	Chuyên đề giáo dục tiểu học Elementary Education Topic	3	3	0
60	GT4601	Khóa luận tốt nghiệp Bachelor Thesis	7	0	7
		<b>Tổng cộng</b>	<b>131</b>		

## 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

### 9.1. Sự phối hợp giữa giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp

HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
Giáo dục đại cương							
Giáo dục chuyên nghiệp							
			Thực tập trải nghiệm	Thực tập trợ giảng	Thực tập dạy học 1	Thực tập dạy học 2	Thực tập dạy học 3
							Khóa luận

### 9.2. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

HỌC KỲ I							
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ	
				LT	TH	BB	TC
1	TC1001	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	(1)	(0)	(1)	(1)	
2	LC1101	Triết học Mác-Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	3	3	0	3	
3	LH1001	Pháp luật đại cương Introduction to Law	3	3	0	3	
4	SP1001	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	3	3	0	3	
5	GT1101	Tâm lý học trẻ em 1	3	3	0	3	

		Child Psychology 1					
6	SP1002	Giáo dục học đại cương Introduction to Education studies	3	3	0	3	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>			<b>15</b>	<b>0</b>

<b>HỌC KỲ II</b>							
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ	
				LT	TH	BB	TC
1	TC1002	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	(1)	(0)	(1)	(1)	
2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	2	2	0	2	
3	GT1102	Tâm lý học trẻ em 2 Child Psychology 2	3	3	0	3	
4	GT1103	Tâm lý học giáo dục Educational Psychology	3	3	0	3	
5	TN2010	Thống kê xã hội Social Statistics	3	3	0	3	
<b>Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong danh sách sau</b>							
6	VH1103	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese Culture	3	3	0		
7	LS4202	Các dân tộc ở Việt Nam Ethnic Groups in Vietnam	3	3	0		
8	NV1006	Kỹ năng soạn thảo VB hành chính Official Documents Writing Skills	3	2	1		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>17</b>			<b>11</b>	<b>6</b>

<b>HỌC KỲ III</b>							
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ	
				LT	TH	BB	TC
1	TC2003	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(1)	

		Physical Education 3					
2	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2	2	0	2	
3	GT2202	Cơ sở Xã hội dành cho giáo viên tiểu học Social Studies for Elementary Teachers	3	3	0	3	
4	GT2202	Cơ sở Tự nhiên dành cho giáo viên tiểu học Science for Elementary Teachers	3	3	0	3	
5	GT2207	Phương pháp dạy học Xã hội ở tiểu học Elementary Teaching Methods - Social Studies	3	2	1	3	
6	GT2208	Phương pháp dạy học Tự nhiên ở tiểu học Elementary Teaching Methods – Science	3	2	1	3	
7	GT2216	Kỹ năng giao tiếp sư phạm Communication Skills for Teacher	3	2	1	3	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>17</b>			<b>17</b>	<b>0</b>

#### HỌC KỲ IV

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ	
				LT	TH	BB	TC
1	QP2101	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 National Defence Education 1	(3)	(3)	(0)	(3)	
2	QP2102	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 National Defence Education 2	(2)	(2)	(0)	(2)	
3	QP2103	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 National Defence Education 3	(1,5)	(1)	(0,5)	(1,5)	
4	QP2104	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 National Defence Education 4	(2)	(0)	(2)	(2)	
5	LC2102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	2	



6	GT2203	Cơ sở Việt ngữ dành cho giáo viên tiểu học 1 Foundations of Vietnamese Language and Literature for Elementary Teachers 1	3	3	0	3	
7	GT2205	Cơ sở Toán học dành cho giáo viên tiểu học 1 Foundations of Mathematics for Elementary Teachers 1	3	3	0	3	
8	GT2209	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 Elementary Teaching Methods - Vietnamese Language 1	3	2	1	3	
9	GT2211	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 Elementary Teaching Methods - Mathematics 1	3	2	1	3	
10	GT2501	Thực tập trải nghiệm trường học School Experience	2	0	2	2	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16</b>			<b>16</b>	<b>0</b>

#### HỌC KỲ V

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ	
				LT	TH	BB	TC
1	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	2	
2	SP3104	Quản lý HCNN và quản lý ngành GDĐT Administrative State and Education Management	2	2	0	2	
3	GT3204	Cơ sở Việt ngữ dành cho giáo viên tiểu học 2 Foundations of Vietnamese Language and Literature for Elementary Teachers 2	3	3	0	3	
4	GT3206	Cơ sở Toán học dành cho giáo viên tiểu học 2	3	3	0	3	

		Foundations of Mathematics for Elementary Teachers 2					
5	GT3210	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 Elementary Teaching Methods - Vietnamese Language 2	3	2	1	3	
6	GT3212	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 Elementary Teaching Methods - Mathematics 2	3	2	1	3	
7	GT3502	Thực tập trợ giảng Teaching Assistantship	3	0	3	3	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>19</b>			<b>19</b>	<b>0</b>

#### HỌC KỲ VI

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	TÍN CHỈ		TÍN CHỈ	
				LT	TH	BB	TC
1	GT3105	Phương pháp nghiên cứu trong giáo dục Research Methods in Education	3	3	0	3	
2	GT3213	Giáo dục đạo đức ở trường tiểu học Moral Education in Elementary Schools	3	3	0	3	
3	GT3217	Đánh giá trong giáo dục tiểu học Assessment in Elementary Education	3	2	1	3	
4	GT3218	Quản lý lớp học tiểu học Elementary Classroom Management	3	3	0	3	
5	GT3220	Ngoại ngữ chuyên ngành giáo dục tiểu học English in Elementary Education	3	3	0	3	
6	GT3503	Thực tập dạy học 1 Teaching Practicum 1	3	0	3	3	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>			<b>18</b>	<b>0</b>

<b>HỌC KỲ VII</b>							
<b>STT</b>	<b>MÃ HP</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>	<b>TÍN CHỈ</b>		<b>TÍN CHỈ</b>	
				<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>BB</b>	<b>TC</b>
1	GT4214	Giáo dục với các hoạt động trải nghiệm ở bậc tiểu học Elementary Education with Experiential Learning Activities	3	2	1	3	
2	GT4215	Giáo dục tin học và công nghệ ở bậc tiểu học Computer Science and Technology Education in Elementary Schools	3	2	1	3	
3	GT4219	Sử dụng công nghệ trong dạy học tiểu học Use of Technology in Elementary Teaching	2	1	1	2	
4	GT4504	Thực tập dạy học 2 Teaching Practicum 2	3	0	3	3	
<b>Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong danh sách sau</b>							
5	GT4219	Thực hành công tác Đội ở trường tiểu học Team Work Practice in Elementary Schools	2	1	1		2
6	GT4221	Giáo dục âm nhạc ở bậc tiểu học Musical Education in Elementary Schools	3	2	1		3
7	GT4222	Giáo dục mỹ thuật ở bậc tiểu học Arts Education in Elementary Schools	3	2	1		3
8	GT4223	Giáo dục thể chất ở bậc tiểu học Physical Education in Elementary Schools	3	2	1		3
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16</b>			<b>11</b>	<b>5</b>

<b>HỌC KỶ VIII</b>							
<b>STT</b>	<b>MÃ HP</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>	<b>TÍN CHỈ</b>		<b>TÍN CHỈ</b>	
				<b>LT</b>	<b>TH</b>	<b>BB</b>	<b>TC</b>
1	GT4505	Thực tập dạy học 3 Teaching Practicum 3	3	0	3	3	
<b>Chọn ít nhất 10 tín chỉ trong danh sách sau</b>							
2	GT4301	Phát triển chương trình đào tạo bậc tiểu học Curriculum Development at the Elementary Level	2	2	0		2
3	GT4302	Giáo dục hòa nhập cho học sinh có nhu cầu đặc biệt Inclusive Education for Students with Special Needs	2	2	0		2
4	GT4303	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học Environmental Education for Elementary Students	2	2	0		2
5	GT4304	Văn học thiếu nhi Children's Literature	3	3	0		3
6	GT4305	Quản lý trường học School Management	3	3	0		3
7	GT4306	Chuyên đề giáo dục tiểu học Elementary Education Topic	3	3	0		3
8	GT4601	Khóa luận tốt nghiệp Bachelor Thesis	7	0	7		7
		<b>Tổng cộng</b>	<b>13</b>			<b>3</b>	<b>10</b>

## **10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học được xây dựng dựa trên Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ của trường Đại học Đà Lạt, sự tham khảo các chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học trong nước và quốc tế và quy trình xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra CDIO. Chương trình được thiết kế ứng với thời gian đào tạo là 4 năm và thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ.

Nội dung chương trình bao gồm phần kiến thức Giáo dục đại cương và phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp. Để hoàn thành chương trình này người học cần tích lũy tổng cộng tối thiểu cho toàn bộ chương trình không tính phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 131 tín chỉ, trong đó số tín chỉ dành cho các học phần bắt buộc là 110 tín chỉ và số tín chỉ tối thiểu dành cho các học phần tự chọn là 21 tín chỉ.

Trong phần kiến thức Giáo dục đại cương, sinh viên được học các học phần về Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo qui định chung của Nhà trường. Bên cạnh đó sinh viên còn được học các học phần thuộc lĩnh vực Khoa học Tự nhiên và Khoa học Xã hội & Nhân văn. Riêng các kiến thức và kỹ năng liên quan đến Ngoại ngữ và Tin học, sinh viên sẽ tự tích lũy theo hướng dẫn của Nhà trường.

Trong phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp, ở phần kiến thức cơ sở sinh viên được trang bị các học phần lý luận về tâm lý trẻ em, tâm lý học giáo dục, giáo dục học, phương pháp nghiên cứu giáo dục, quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo. Đây là phần lý luận nền tảng cho giáo dục tiểu học. Ở phần kiến thức ngành sinh viên được trang bị các học phần liên quan đến lý luận và thực hành nghề giáo viên tiểu học. Phần kiến thức ngành bao gồm các kiến thức chuyên môn về những môn học trong chương trình giáo dục tiểu học quốc gia, kiến thức và kỹ năng về phương pháp dạy học và đánh giá học lực học sinh, kiến thức và kỹ năng về giao tiếp sư phạm, quản lý lớp học, sử dụng công nghệ trong dạy học và ngoại ngữ chuyên ngành giáo dục tiểu học. Phần tự chọn trong kiến thức ngành khá phong phú, sinh viên có thể chọn lựa những học phần mà mình quan tâm và yêu thích. Đó có thể là những học phần về thực hành công tác đội ở trường tiểu học, giáo dục các mảng âm nhạc, mỹ thuật và thể chất trong nhà trường tiểu học. Bên cạnh đó ở phần kiến thức bổ trợ sinh viên có thể mở rộng hiểu biết bằng các chọn các học phần về phát triển chương trình đào tạo bậc tiểu học, giáo dục hòa nhập cho học sinh có nhu cầu đặc biệt, giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học, văn học thiếu nhi hay quản lý trường học.

Trong quá trình học tập, bên cạnh việc học các học phần tại trường sinh viên cần phải hoàn thành năm học phần thực tập quan trọng, đó là học phần Thực tập trải nghiệm trường học, Thực tập trợ giảng, Thực tập dạy học 1, 2 và 3. Năm học phần này cung cấp cơ hội cho sinh viên áp dụng những gì mình đã học vào trong thực tế dạy học ở nhà trường tiểu học, qua đó góp phần hình thành năng lực thực hành nghề giáo viên tiểu học. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ nhận được sự hướng dẫn, giám sát và

hỗ trợ của các giảng viên hướng dẫn thực tập thuộc khoa Sư phạm và đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm dạy học ở các trường tiểu học.

Đối với những sinh viên có học lực khá, giỏi có thể chọn học phần Khóa luận. Với học phần này, sinh viên có cơ hội thực hành nghiên cứu giáo dục tiểu học với một quy mô và phạm vi vừa phải, phù hợp ở mức độ Cử nhân, dưới sự hướng dẫn trực tiếp của một hoặc nhóm giảng viên được phân công. Thông qua việc làm Khóa luận, sinh viên phát triển được khả năng tư duy phân tích, tổng hợp cũng như các kỹ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề.

Chương trình đào tạo ngành Giáo viên tiểu học được thiết kế theo phương pháp xây dựng chương trình theo chuẩn đầu ra, đồng thời theo hướng cân đối giữa lý thuyết và thực hành, chú trọng phát triển hài hòa cả ba mặt gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Qua đó chương trình khi được thực hiện sẽ giúp sinh viên hình thành các năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học mà xã hội yêu cầu. Chương trình cũng được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học.

Về điều kiện tốt nghiệp, sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Giáo dục tiểu học sau khi tích lũy tối thiểu 131 tín chỉ, trong đó tích lũy đầy đủ số tín chỉ cho các học phần từ các khối kiến thức Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp, và có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh, đồng thời đạt các chuẩn Ngoại ngữ và Tin học theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của trường Đại học Đà Lạt./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG QLĐT**

**TRƯỞNG KHOA**